

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2012/NQ-HĐND

*Kiên Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2012*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi, bổ sung phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Mức thu: Thực hiện thu theo biểu mức thu phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Nếu sử dụng đò, phà ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau thì mức thu gấp đôi so với mức quy định tại biểu mức thu phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Mức thu phí qua đò, qua phà đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm hành khách.

2. Việc quản lý, thu, chi; chế độ miễn, giảm phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2.1. Việc quản lý, thu, chi phí qua đò, qua phà

a) Tổ chức, cá nhân khi được một tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ được quy định thu phí phải nộp phí theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thu phí qua đò, qua phà có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp phí qua đò, qua phà và được quản lý, sử dụng như sau:

b.1) Đối với tổ chức không thuộc Nhà nước, cá nhân và các doanh nghiệp (chủ đò, phà): Số tiền phí thu theo mức thu áp dụng thống nhất là doanh thu của đơn vị, cá nhân thu phí; đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật.

b.2) Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập): Số phí thu được trong kỳ, được để lại là 30% trên tổng số tiền phí để trang trải chi phí thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu và thu phí; phần còn lại 70% nộp ngân sách nhà nước để sử dụng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng các quy định hiện hành.

b.3) Đối với các cơ quan, tổ chức nhà nước

- Cơ quan, tổ chức trực tiếp thu phí qua đò, qua phà: Phần phí được để lại là 30% trên tổng số tiền phí để trang trải chi phí thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu và thu phí; phần còn lại 70% nộp ngân sách nhà nước để sử dụng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng các quy định hiện hành.

- Đối với bến đò, bến phà do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý, thực hiện tổ chức đấu giá cho thuê bến đò, bến phà thì nộp 100% vào ngân sách nhà nước (ngân sách cấp xã) trong đó bố trí 30% để cân đối chi thường xuyên, 70% để sử dụng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng các quy định hiện hành.

c) Tổ chức, cá nhân, cơ quan hoặc người được ủy quyền thu các khoản phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân nơi trực tiếp thu tiền phí.

d) Chứng từ thu phí qua đò, qua phà do cơ quan thuế phát hành và quản lý.

2.2. Chế độ miễn, giảm phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: Miễn thu phí qua đò, phà đối với học sinh, sinh viên, giáo viên, hộ nghèo (có sổ), người khuyết tật, cán bộ xã, phường, thị trấn, khu phố ấp và các phương tiện đi lại của cá nhân nêu trên tại địa phương nơi có bến đò hoạt động.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện: Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và quyết toán đúng quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa VIII, Kỳ họp thứ năm thông qua và thay thế cho Nghị quyết số 32/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII về việc điều chỉnh phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ, QUA PHÀ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 63/2012/NQ-HĐND  
ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

<b>Số TT</b>	<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b>
<b>I</b>	<b>Đò ngang, phà cự ly dưới 500 mét (phà địa phương quản lý)</b>		
1	Hành khách đi bộ	Đồng/người	1.000
2	Hành khách đi bộ mua vé tháng	Đồng/người/tháng	9.000
3	Khách đi xe đạp	Đồng/xe	1.000
4	Khách đi xe đạp mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	18.000
5	Khách đi xe máy	Đồng/xe	2.000
6	Khách đi xe máy mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	36.000
7	Hàng hoá	Đồng/50kg hàng hoá	1.000
8	Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống	Đồng/lượt	10.000
9	Ô tô từ 10 chỗ đến 16 chỗ ngồi	Đồng/lượt	15.000
10	Ô tô trên 16 chỗ đến 25 chỗ ngồi	Đồng/lượt	20.000
11	Ô tô trên 25 chỗ ngồi	Đồng/lượt	25.000
12	Ô tô chở hàng trọng tải từ 2,5 tấn trở xuống	Đồng/lượt	15.000
13	Ô tô chở hàng trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/lượt	20.000
14	Ô tô chở hàng trọng tải trên 5 tấn trở lên	Đồng/lượt	25.000
<b>II</b>	<b>Đò ngang, phà cự ly từ 500 mét trở lên (phà địa phương quản lý)</b>		
1	Hành khách đi bộ	Đồng/người	1.000
2	Hành khách đi bộ mua vé tháng	Đồng/người/tháng	18.000
3	Khách đi xe đạp	Đồng/xe	1.500
4	Khách đi xe đạp mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	27.000
5	Khách đi xe máy	Đồng/xe	2.500

<b>Số TT</b>	<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b>
6	Khách đi xe máy mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	40.000
7	Hàng hóa	Đồng/50kg hàng hoá	1.500
8	Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống	Đồng/lượt	12.000
9	Ô tô từ 10 chỗ đến 16 chỗ ngồi	Đồng/lượt	18.000
10	Ô tô trên 16 chỗ đến 25 chỗ ngồi	Đồng/lượt	24.000
11	Ô tô trên 25 chỗ ngồi	Đồng/lượt	30.000
12	Ô tô chở hàng trọng tải từ 2,5 tấn trở xuống	Đồng/lượt	18.000
13	Ô tô chở hàng trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/lượt	24.000
14	Ô tô chở hàng trọng tải trên 5 tấn trở lên	Đồng/lượt	30.000
<b>III</b>	<b>Đò dọc</b>		
1	Hành khách đi bộ	Đồng/km/người	2.500
2	Hành khách đi xe đạp	Đồng/km/xe	3.000
3	Hành khách đi xe máy	Đồng/km/xe	3.500
4	Hàng hóa	Đồng/km/50kg hàng hóa	2.500
<b>IV</b>	<b>Nếu sử dụng đò, phà ban đêm từ 22 giờ đến 5 giờ thì mức thu gấp đôi.</b>		
<b>V</b>	<b>Mức thu phí đò, phà đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm khách hàng.</b>		
<b>VI</b>	<b>Miễn thu phí qua đò, qua phà đối với học sinh, sinh viên, giáo viên, hộ nghèo (có sổ nghèo), người tàn tật, cán bộ xã, phường, thị trấn, khu phố, ấp và các phương tiện đi lại của cá nhân nêu trên tại địa phương nơi có bến đò hoạt động.</b>		